

Bản án số: 197/2022/HS-PT

Ngày: 15 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 617/2020/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Trần Phú Y do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Phú Y; Tên gọi khác: S; Sinh năm: 1972; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần C1 và bà Thạch Thị S1; có vợ là bà Tào Thị B1, sinh năm 1976 và 02 người con, sinh năm 2008 và sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 11-9-2015 đến ngày 03-10-2016 được tại ngoại và đến ngày 25-4-2017 bị bắt tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Nguyễn Văn Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Bị hại: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Trần Văn P2;

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp A1, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M; Sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Ấp A1, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Trần Văn P2. (có mặt)

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lý M P; Sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Ấp B2, xã T1, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà Ngô Thị Mộng H; Sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Số 226, đường L3, Phường 4, thành phố S2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Mộng H: Ông Nguyễn Vĩnh P1; Sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Ấp T2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; theo Giấy ủy quyền ngày 14-7-2020. (có mặt)

3. Ông Nguyễn Giác H1; Tên gọi khác: H2; Sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Ấp L, xã L1, huyện L2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Ông Dương Hữu T3; Sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Số 159A, đường C2, Phường 5, thành phố S2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Ông Lâm Quốc H2; Sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Số 324, ấp T4, xã T5, huyện L2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Bà Lê Ngọc Q; Sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Số 159A, đường C2, Phường 5, thành phố S2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Ông Duy H3; Sinh năm: 1956; Nơi cư trú: Số 534/6, đường L3, Phường 4, thành phố S2, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Ông Thạch Bảo Q1; Sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Ấp S3, xã T6, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Ông Quách Công B3; Sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Số 27, đường D8 Khu dân cư 5A, Phường 4, thành phố S2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Ông Quách Thành B4; Sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Số 138, đường S4, Phường 2, thành phố S2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Ông Quách Thái B5; Sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Số 27, đường D8 Khu dân cư 5A, Phường 4, thành phố S2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Ông Phan Thanh T7; Sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Ấp 3, xã C2, huyện L2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Ông Tiêu Thành L4; Sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Ấp 3, thị trấn L2, huyện L2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

8. Ông Ngô Kim H4; Sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Số 226, đường L3, Phường 4, thành phố S2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9. Bà Trần Thị Mỹ C3; Sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Số 710, đường L3, Phường 4, thành phố S2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

10. Bà Huỳnh Ngọc D; Sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Số 156A, đường D1, Phường 2, thành phố S2, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

11. Bà Tào Thị B1; Sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

12. Bà Nguyễn Thị Trần T8; Sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Số 90/43, đường L5, Phường 3, thành phố S2, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

13. Bà Trần Thị Xuân Đ; Sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Ấp A1, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

14. Bà Trần Thị Q2; Sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người phiên dịch tiếng Khmer*: Bà Sơn H Vân (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7-2007, được ủy quyền của ông Trần Văn P2-chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp Trần Văn P2 (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Trần Văn P2, sau đây gọi tắt là Cửa hàng Trần Văn P2), ông Trần Văn M (là con ruột ông P2) thuê Trần Phú Y làm thủ kho tại Kho phân bón của Cửa hàng Trần Văn P2 ở số 770, đường L3, Phường 4, thành phố S2 (sau đây gọi tắt là Kho 770) với mức lương 2.000.000 đồng/tháng. Công việc của Y là quản lý, trông giữ phân bón trong Kho 770; mở sổ theo dõi và ghi chép việc nhập phân bón vào Kho 770 và xuất phân từ Kho 770 ra ngoài giao cho người mua theo yêu cầu của kế toán hoặc chủ Cửa hàng Trần Văn P2; bị cáo Y lập sổ theo dõi kho để đối chiếu với sổ theo dõi kho của kế toán Cửa hàng Trần Văn P2 lập. Đồng thời, Y có nhiệm vụ theo dõi việc xuất bán và nhập phân bón từ các ghe và xà lan vào Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2, đây là phân bón được Cửa hàng Trần Văn P2 mua từ các nhà máy sản xuất phân bón và thuê ghe, xà lan vận chuyển về Kho 770. Cửa hàng Trần Văn P2 quy định bị cáo Y hàng ngày phải mở sổ theo dõi và ghi chép số lượng phân bón từ các ghe và xà lan vận chuyển về nhập Kho 770 và số lượng phân bón đã xuất bán trước khi nhập vào Kho 770. Sau khi tiếp nhận phân bón từ ghe và xà lan, được công nhân bốc vác vào Kho 770 thì Y có nhiệm vụ đối chiếu sổ, xác nhận số liệu phân bón đã vận chuyển về với chủ ghe và chủ xà lan, rồi giao sổ này cho các chủ ghe và chủ xà lan đem đến Cửa hàng Trần Văn P2 đối chiếu với kế toán để nhận tiền chi phí vận chuyển phân bón. Sau thời gian làm việc, lợi dụng tin tưởng của chủ Cửa hàng Trần Văn P2 và sự quản lý không chặt chẽ trong việc xuất phân bón trong Kho 770 để bán của Cửa hàng Trần Văn P2, bị cáo Y đã dùng thủ đoạn gian dối để lấy phân bón của Cửa hàng Trần Văn P2 bán cho người khác lấy tiền tiêu xài. Do nghi ngờ bị cáo Y lấy phân bón của Cửa hàng Trần Văn P2, nên vào các ngày 29, 30-6-2014, ông Trần Văn M đã cùng với bị cáo Y và các nhân viên của Cửa hàng Trần Văn P2 tiến hành kiểm tra số lượng phân bón còn lại trong Kho 770 thì phát hiện Kho 770 bị thiếu hụt 3.366 bao phân các loại. Qua làm việc với người đại diện của Cửa hàng Trần Văn P2, bị cáo Y thừa nhận dùng thủ

đoạn gian dối lấy phân bón của Cửa hàng Trần Văn P2 đem bán cho người khác nên đại diện Cửa hàng Trần Văn P2 đã trình báo Cơ quan điều tra.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ để chứng M về sự thật khách quan của vụ án. Trong đó, có tiến hành thu giữ 56 quyển sổ gồm:

- Thu giữ của bị cáo Trần Phú Y 23 quyển sổ do bị cáo trực tiếp lập và ghi chép theo dõi việc xuất, nhập phân bón trong Kho 770 và theo dõi việc xuất, nhập phân bón từ ghe, xà lan được Cơ quan điều tra đánh số thứ tự là: 1, 2, 3, 4, 6, 11, 12, 13, 14, 17, 18, 19, 10, 22, 23, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48 và 50.

- Thu giữ của Cửa hàng Trần Văn P2 24 quyển sổ được Cơ quan điều tra đánh số thứ tự là: 15, 16, 21, từ số 24-41, 49, từ số 51-52. Đồng thời, Cơ quan điều tra cũng tiến hành thu giữ các tài liệu, chứng từ liên quan việc mua, bán phân bón của Cửa hàng Trần Văn P2.

- Thu giữ của ông Ông Duy H3 (là Tổ trưởng tổ bốc vác) 04 sổ bốc vác được Cơ quan điều tra đánh số thứ tự là 7, 8, 9 và 10.

- Thu giữ của ông Trần Văn Nhứt (là chủ xà lan biển kiểm soát TG-12356) 01 quyển sổ được Cơ quan điều tra đánh số thứ tự là 5.

- Thu giữ của Lý M P 04 quyển sổ được Cơ quan điều tra đánh số thứ tự là từ 53-56.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định bị cáo Y có hành vi gian dối để thực hiện việc lấy phân bón của Cửa hàng Trần Văn P2, cụ thể như sau:

*** Đối với số lượng phân bón bị cáo Y lấy trực tiếp từ ghe, xà lan chưa nhập vào Kho 770:**

Bị cáo Y được chủ Cửa hàng Trần Văn P2 giao đại diện cho Cửa hàng Trần Văn P2 thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, tiếp nhận số lượng phân bón được các ghe, xà lan vận chuyển từ nhà máy về Kho 770. Trong khoảng thời gian từ ngày 19-4-2014 đến ngày 26-5-2014, bị cáo Y đã gọi điện thoại trao đổi với những người mua trước rồi sau đó gặp chủ ghe hoặc chủ xà lan và nói dối là Cửa hàng kêu xuất phân bón, thì chủ ghe hoặc chủ xà lan cho xuất phân bón. Khi đó, bị cáo Y thỏa thuận bán phân bón cho người mua xong và kêu Tổ bốc vác do ông Ông Duy H3 làm Tổ trưởng tiến hành bốc vác phân bón trực tiếp từ ghe, xà lan lên xe của bà Ngô Thị Mộng H (là chủ Đại lý N) hoặc thuê xe của ông Quách Công B3, ông Quách Thành B4, ông Quách Thái B5 để vận chuyển đi bán cho bà Ngô Thị Mộng H (là chủ Đại lý N), ông Nguyễn Giác H1 (là chủ Đại lý Sáu Tánh), ông Dương Hữu T3 (là chủ Đại lý T3) và ông Lâm Quốc H2 (là chủ Đại lý Lâm Quốc H2). Để Cửa hàng Trần Văn P2 không phát hiện được hành vi lấy phân bón của mình, bị cáo Y đã ghi số lượng phân bón mà bị cáo tự ý lấy bán vào sổ nhập Kho 770 (gồm các Sổ số 1, 11, 12, 13, 17, 19, 20 và 22) nhằm hợp thức hóa số liệu chuyển từ số lượng phân bón mà bị cáo đã lấy bán thành số lượng phân bón nhập vào Kho 770, rồi giao sổ kho hoặc sau khi đối chiếu số liệu xong bị cáo lập biên nhận đã nhập đủ số lượng phân bón của ghe hoặc xà

lan vào Kho 770 để cho chủ ghe hoặc chủ xà lan đem lên Cửa hàng Trần Văn P2 đối chiếu làm cơ sở nhận tiền vận chuyển phân bón. Đối với tiền thuê xe của anh em ông B3, ông B4, ông B5 và tiền thuê công nhân bốc vác phân bón do bị cáo Y tự trả trên cơ sở số lượng phân bón đã bốc vác do ông H3 ghi trong các sổ bốc vác số 7, 8, 9, 10 và sổ ký nhận với tài xế xe chở phân số 3 và số 18. Đồng thời, để che giấu việc làm của mình, bị cáo Y mượn sổ bốc vác số 8 của ông H3 để xóa bỏ số lượng phân mà ông H3 theo dõi, cụ thể là bị cáo Y đã xóa chữ số “Ghe 300 PM” tại dòng số 17 của sổ bốc vác số 8 đã bán cho ông T3 vào ngày 22-5-2014. Với phương thức này, khoảng thời gian từ ngày 19-4-2014 đến ngày 26-5-2014, bị cáo Y đã 09 lần lấy phân bón của Cửa hàng Trần Văn P2 với số lượng 695 bao phân các loại bán cho bà H, ông T3, ông H2 và ông H1. Theo kết luận định giá 695 bao phân các loại mà bị cáo Y lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 trực tiếp từ ghe, xà lan có giá trị là 351.650.000 đồng.

*** Đối với số lượng phân bón bị cáo Y lấy trong Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2:**

Trong thời gian bị cáo Y làm thủ kho cho Cửa hàng Trần Văn P2, Cửa hàng Trần Văn P2 chỉ thực hiện việc đối chiếu sổ xuất nhập phân bón tại Kho 770, mà không thường xuyên kiểm tra Kho 770. Bị cáo Y điện thoại trao đổi trước với người mua để bán phân bón và nói là phân dư hoặc có người nhờ bán dùm. Khi các người mua đồng ý mua, bị cáo Y lấy phân bón trong Kho 770 bán cho người mua và bị cáo Y thuê xe của ông B3, ông B4 và ông B5 đến Kho 770 chở phân bón bán cho các ông Dương Hữu T3, Lâm Quốc H2, Nguyễn Giác H1; số lượng phân bón bị cáo Y bán cho bà Ngô Thị Mộng H thì do xe của bà H đến Kho 770 nhận phân bón. Khi xuất phân bón từ Kho 770 đem đi bán, bị cáo Y thuê công nhân của Tổ bốc vác do ông H3 làm Tổ trưởng vào Kho 770 bốc vác phân bón lên xe. Để Cửa hàng Trần Văn P2 và công nhân bốc vác phân bón không phát hiện việc bị cáo tự ý lấy phân bón đem đi bán cho người khác, bị cáo Y tự trả tiền thuê xe và trả tiền thuê bốc vác phân bón; số lượng phân bón mà bị cáo đã lấy từ Kho 770 để bán thì bị cáo không ghi vào sổ xuất kho, chỉ cho các tài xế ký tên xác nhận vào sổ ký nhận của bị cáo; còn sổ bốc vác của Tổ bốc vác chỉ ghi số lượng phân bón xuất kho, không ghi loại phân bón cụ thể. Với phương thức này, trong khoảng thời gian từ ngày 03-6-2013 đến ngày 22-6-2014, bị cáo Y đã thực hiện 31 lần lấy tổng cộng 1.965 bao phân bón các loại của Cửa hàng Trần Văn P2 tại Kho 770 bán cho bà H, ông Quý, ông H1 và ông H2. Theo kết luận định giá, 1.965 bao phân các loại mà bị cáo Y đã lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 có giá trị là 980.825.000 đồng.

Với hai phương thức gian dối như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 03-6-2013 đến ngày 22-6-2014, bị cáo Y đã 40 lần lấy tổng cộng 2.660 bao phân bón các loại của Cửa hàng Trần Văn P2 bán cho người khác. Theo kết luận định giá, 2.660 bao phân bón các loại mà bị cáo Y đã lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 có giá trị là 1.332.475.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 28-5-2018 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Phú Y phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo 12 (mười hai) năm tù. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Trần Văn P2 số lượng 1.512 bao phân, trị giá 854.185.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Phú Y kháng cáo kêu oan, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Trần Văn P2 kháng cáo phần trách nhiệm dân sự và đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các chủ đại lý mua phân qua lại với bị cáo, đặc biệt là bà Ngô Thị Mộng H chủ đại lý N.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 54/2019/HS-PT ngày 25-01-2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng điều tra, giải quyết lại vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSST-P1 ngày 10-9-2019 và Công văn số 450/VKS-P1 ngày 24-6-2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Trần Phú Y về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại bản án hình sự sơ thẩm 20/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

* Căn cứ vào: Điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p, điểm o khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

* Tuyên bố: Bị cáo Trần Phú Y (Tên gọi khác: S) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

* Xử phạt bị cáo Trần Phú Y (Tên gọi khác: S) 12 (Mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-4-2017 nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 11-9-2015 đến ngày 03-10-2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23-9-2020 bị cáo Trần Phú Y kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ xét xử các bị cáo về tội danh và mức hình phạt theo bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật, có xem xét đến toàn diện các lời khai và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định bị cáo là người thực hiện hành vi gian dối, lợi dụng sự tin tưởng của chủ cửa hàng, bị cáo lấy phân bón từ kho của công ty và từ sà lan chưa nhập kho bán cho người khác để lấy tiền dùng vào mục đích cá nhân. Bị cáo kháng cáo kêu oan cho rằng không phạm tội, nhưng không có tình tiết gì mới để chứng M là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư không đồng tình với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát với những lý do như sau: Tòa sơ thẩm không đưa ra được hành vi cụ thể của bị cáo Y, Tòa án cấp phúc thẩm đã từng hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ về cho cơ quan tiến hành tố tụng để làm rõ hành vi của bị cáo Y nhưng vẫn chưa làm rõ. Bị cáo Y không có trực tiếp lấy phân bón, và cũng không có chở đi, bị cáo không bán cho ai và cũng không có thu tiền. Tại các bản lời khai, bị cáo đã bị Điều tra viên và kiểm sát viên hướng dẫn khai và bị cáo cũng cho rằng mình giữ kho mà mất phân thì mình phải chịu trách nhiệm. Lời khai của người liên quan bà Mộng H cho rằng không có mua phân của S mà chỉ mua của công ty. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cần phải làm rõ bị cáo Y lấy hàng như thế nào, lấy khi nào, lấy số lượng bao nhiêu để làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo, nếu không chứng M được các vấn đề này thì yêu cầu xem xét hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm, tuyên bố bị cáo Y không phạm tội, trả tự do cho bị cáo và đình chỉ giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Xét thấy những người vắng mặt đã được Tòa án triệu tập, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc xét xử vắng mặt những đương sự trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Từ tháng 7-2007 đến tháng 6-2014 bị cáo Y là thủ kho của Cửa hàng Trần Văn P2, công việc của bị cáo Y là quản lý phân bón tại Kho 770, quản lý tiếp nhận phân bón do Cửa hàng Trần Văn P2 thuê ghe, xà lan vận chuyển về nhập Kho 770 và quản lý việc xuất bán phân bón từ Kho 770. Trong quá trình

thực hiện công việc, lợi dụng sự tin tưởng của chủ cửa hàng và sự quản lý không chặt chẽ trong việc xuất phân bón trong Kho 770, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để lấy phân bón của Cửa hàng Trần Văn P2 bán cho người khác lấy tiền để tiêu xài. Kết quả điều tra xác định bị cáo đã thực hiện 32 lần chiếm đoạt tài sản của cửa hàng Trần Văn P2, với tổng cộng 1.502 bao phân các loại, theo kết quả định giá có giá trị 848.535.000 đồng.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Sau khi ông M cùng bị cáo Y và những người khác tiến hành kiểm tra Kho 770 phát hiện bị mất phân bón với số lượng 3.366 bao phân các loại, thì bị cáo đã ký xác nhận vào biên bản kiểm kho. Bị cáo đã lập tờ tường trình khai nhận hành vi lấy phân bón của mình. Sau đó, bị cáo đã kiểm tra lại các quyển sổ theo dõi do bị cáo tự lập và quản lý để lập thành các Bảng thống kê từ số 2-5 (bút lục số 5851-5857) xác định cụ thể thời gian, số lượng, chủng loại phân bón mà bị cáo đã lấy của Cửa hàng Trần Văn P2. Đồng thời, tại các biên bản hỏi cung bị can trong năm 2015, 2016, 2017 (bút lục 228-231; 6209-6212; 6213-6218; 6219-6222; 6876-6878), bị cáo đều tự khai nhận về hành vi gian dối lấy phân bón của Cửa hàng Trần Văn P2. Các lời khai nhận này của bị cáo phù hợp với lời khai của những người mua phân bón của bị cáo là bà H, ông T3, ông H1, ông H2; Phù hợp với lời khai của ông H3 là Tổ trưởng tổ bốc vác phân bón; Phù hợp với lời khai của ông B3, ông B4, ông B5, ông L4, ông H4, ông V là những người lái xe tải nhận phân bón của bị cáo tại Kho 770 để giao cho những người mua. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định trong thời gian làm thủ kho của Cửa hàng Trần Văn P2 tại Kho 770, bị cáo Y đã thực hiện hành vi gian dối để lấy phân bón của Cửa hàng Trần Văn P2 bán cho người khác.

[3.2] Qua đối chiếu lời khai của bị cáo với lời khai của ông M, lời khai của bà H, ông T3, ông H2, ông H1, lời khai của người làm chứng và tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được, có căn cứ xác định trong thời gian làm thủ kho của Cửa hàng Trần Văn P2, bị cáo Y đã dùng phương thức, thủ đoạn gian dối thực hiện hành vi 32 lần lấy phân bón của Cửa hàng Trần Văn P2 bán cho người khác với thời gian, số lượng, chủng loại phân bón cụ thể như sau:

- Ngày 19-4-2014, bị cáo Y lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 150 bao phân Ure Phú Mỹ từ ghe TV-1846 đem bán cho bà H;

- Ngày 07-5-2014, bị cáo Y lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 105 bao phân phân 20-20-15 Đầu Trâu và 20 bao Ure Phú Mỹ từ ghe biển kiểm soát HG-4848 đem bán cho bà H;

- Ngày 13-5-2014, bị cáo Y lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 15 bao phân 20-20-15 Cò Phá từ xà lan biển kiểm soát ST-03789 đem bán cho bà H;

- Ngày 14-5-2014, bị cáo Y lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 10 bao phân 20-20-15 Cò Pháp từ ghe biển kiểm soát ST-3538 đem bán cho bà H;
- Ngày 15-5-2014, bị cáo Y lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 50 bao phân 20-20-15 Cò Pháp từ ghe biển kiểm soát ST-3538 đem bán cho bà H;
- Ngày 26-5-2014, bị cáo Y lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 15 bao phân DAP xanh 1 từ xà lan biển kiểm soát TG-12356 đem bán cho bà H;
- Ngày 22-5-2014, bị cáo Y lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 100 bao phân Ure Phú Mỹ từ ghe biển kiểm soát ST-3538 bán cho ông T3;
- Ngày 15-5-2014, bị cáo Y lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 50 bao phân 20-20-15 Đầu Trâu từ xà lan biển kiểm soát TG-12356 đem bán cho ông H1;
- Ngày 14-5-2014, bị cáo Y lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 20 bao phân 20-20-15 Đầu Trâu từ xà lan biển kiểm soát TG-12356 đem bán cho ông H2;
- Ngày 14-01-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 50 bao phân DAP xanh 1 bán cho bà H;
- Ngày 18-01-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 50 bao phân Ure Phú Mỹ bán cho bà H;
- Ngày 12-02-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 20 bao phân DAP xanh 1 bán cho bà H;
- Ngày 18-3-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn Phư và 10 bao phân DAP xanh đóng Trung Quốc bán cho bà H;
- Ngày 29-3-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 50 bao phân 20-20-15 Cò Pháp bán cho bà H;
- Ngày 01-5-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 80 bao phân Ure Phú Mỹ bán cho bà H;
- Ngày 02-5-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 200 bao phân Ure Phú Mỹ bán cho bà H;
- Ngày 07-5-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 50 bao phân 20-20-15 Cò Pháp bán cho bà H;
- Ngày 09-5-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 100 bao phân 20-20-15 Cò Pháp bán cho bà H;
- Ngày 25-5-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 10 bao phân TE-01 Đầu Trâu bán cho bà H;
- Ngày 29-5-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 20 bao phân 20-20-15 Cò Pháp bán cho bà H;
- Ngày 04-6-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 40 bao phân 20-20-15 Cò Pháp bán cho bà H;

- Ngày 16-6-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 20 bao phân DAP xanh 1 bán cho bà H;
- Ngày 26-5-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 10 bao phân Lúa 1 Đầu Trâu, 10 bao phân Lúa 2 Đầu Trâu và 10 bao phân 20-20-15 Bình Điền 1 TE bán cho ông T3;
- Ngày 10-6-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 10 bao phân Ure Cà Mau và 30 bao phân DAP xanh 1 bán cho ông T3;
- Ngày 16-6-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 10 bao phân Lúa 2 Đầu Trâu, 10 bao phân Đầu Trâu TE A2, 10 bao phân Ure Indo và 50 bao phân DAP xanh 1 bán cho ông T3;
- Ngày 30-3-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 30 bao phân Ure Trung Quốc và 50 bao phân Ure Cà Mau bán cho ông H1;
- Ngày 25-4-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 80 bao phân Ure Phú Mỹ bán cho ông H1;
- Ngày 17-6-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 60 bao phân DAP xanh 1 bán cho ông H1;
- Ngày 09-6-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 80 bao phân DAP xanh 1 bán cho ông H2;
- Ngày 15-6-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 10 bao phân 20-20-15 Đầu Trâu, 20 bao phân Lúa 1 Đầu Trâu, 20 bao phân Lúa 2 Đầu Trâu và 10 bao phân Ure Cà Mau bán cho ông H2;
- Ngày 11-6-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 10 bao phân Lúa 1 Đầu Trâu, 10 bao phân Lúa 2 Đầu Trâu và 20 bao phân Ure Cà Mau bán cho ông H2;
- Ngày 22-6-2014, bị cáo Y lấy tại Kho 770 của Cửa hàng Trần Văn P2 10 bao phân 20-20-15 Đầu Trâu, 10 bao phân DAP xanh 1 và 10 bao phân 20-20-15 Cò Pháp bán cho ông H2. Tuy nhiên, theo các Biên bản kiểm kho ngày 29, 30-6-2014 (bút lục số 06-11), Cửa hàng Trần Văn P2 không có mất 02 loại phân Ure Cà Mau, DAP đóng Trung Quốc, còn Ure Phú Mỹ chỉ mất 397 bao. Đại diện Cửa hàng Trần Văn P2 xác nhận ngày 22-6-2014 có xuất bán cho ông H2 10 bao phân Lúa 2 nên không mất loại phân này.

Như vậy, bị cáo Y đã 32 lần lấy của Cửa hàng Trần Văn P2 11 loại phân bón các loại với tổng số lượng là 1.502 bao, cụ thể từng loại phân bón: 335 bao phân DAP xanh 1, 397 bao phân Ure Phú Mỹ, 415 bao phân 20-20-15 Cò Pháp, 10 bao phân TE-01 Đầu Trâu, 40 bao Lúa 1 Đầu Trâu, 50 bao phân Lúa 2 Đầu Trâu, 10 bao phân 20-20-15 Bình Điền 1 TE, 10 bao phân Đầu Trâu TE A2, 10 bao phân Ure Indo, 195 bao phân 20-20-15 Đầu Trâu và 30 bao phân Ure Trung Quốc.

[3.3] Bị cáo Y đã lợi dụng sự tin tưởng của chủ cửa hàng, dùng thủ đoạn gian dối để lấy 1.502 bao phân bón có giá trị 848.535.000 đồng đem bán cho

người khác mà không ghi vào sổ sách theo dõi của cửa hàng. Hành vi của bị cáo là đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên khung hình phạt theo khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là từ 12 năm tù đến 20 năm tù hoặc tù chung thân; còn khung hình phạt theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là từ 12 năm tù đến 20 năm tù. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có lợi cho bị cáo.

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo kêu oan, cho rằng không thực hiện hành vi phạm tội, nhưng bị cáo thừa nhận đã sử dụng số tiền trên 800.000.000 đồng của công ty Trách nhiệm hữu hạn Trần Văn P2 để mua 06 công đất ruộng, làm đường từ nhà ra lộ, cho chị vợ bị cáo mượn 100.000.000 đồng và 1,3 lượng vàng 24K. Những nội dung mà người bào chữa cho bị cáo trình bày đã được cơ quan tiến hành tố tụng làm rõ trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận định thêm, bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, cha ruột bị cáo là người có công với cách mạng. Mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo hành vi đã thực hiện và tự thú những lần phạm tội trước. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Phú Y; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 16-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20-6-2017 của

Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p, điểm o khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Phú Y (Tên gọi khác: S) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Phú Y (Tên gọi khác: S) 12 (Mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-4-2017 nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 11-9-2015 đến ngày 03-10-2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Phú Y phải chịu 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đắc Minh Nguyễn Văn Minh

Trần Văn Mười

